

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 69

Phân Nhiếp Quyết Trạch
Địa Huệ Do Tư Tạo Thành

Đoạn 3:

Lại nữa, nên biết trong Tỳ-nại-da, do năm thứ chế lập, nên là hết sức sâu xa. Thế nào gọi là năm thứ chế lập? Đó là:

1. Chế lập về học.
2. Chế lập về phạm.
3. Chế lập về xuất ly.
4. Chế lập về dừng dứt.
5. Chế lập về Yết-ma.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết chế lập về học là hết mực thâm diệu:

1. Tự tại.
2. Không tự tại.
3. Hiện hiện Thi-la, diệt trừ lỗi lầm.
4. Hiện hiện Hỷ lạc, làm rõ lỗi lầm của nghiệp xấu kém.
5. Không hành theo hành của hai lỗi lầm kia.

- Nói tự tại: Nếu khi giáo hóa không theo sức mạnh của phiền não mà hành, không phải các phiền não khiến cho mình không tự tại. Bấy giờ, tức dựa nơi đối tượng được hóa độ như thế, tự tại học, hành, tùy ý tự tại.

- Không tự tại: Nếu khi giáo hóa, tùy theo các phiền não chi phối mà hành, do các phiền não khiến không được tự tại. Bấy giờ, tức dựa nơi đối tượng được giáo hóa như thế, không tự tại học, hành, chế lập học xứ không tự tại.

- Hiện hiện Thi-la, diệt trừ lỗi lầm: Tức quán các Tánh tội nhất

định không nên hành, chế lập học xứ tùy hộ Thi la.

- Hiện hiện Hỷ lạc, làm rõ lỗi lầm của nghiệp xấu kém: Nghĩa là quán xét khả năng gây chướng ngại đối với việc siêng tu phẩm thiện, do đó chế lập học xứ của giá tội.

- Không hành theo hành của hai lỗi lầm kia: Nghĩa là Đức Phật quán xét đối tượng được giáo hóa tự tại kia, không hành lỗi lầm, nên không chế lập. Quán xét lỗi lầm hiện hành của không tự tại, nên chế lập học xứ.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết đã chế lập về phạm là hết sức sâu xa. Thế nào là phạm? Nghĩa là có thể gây chướng ngại cho pháp thiện hiện có, khiến không được sanh. Nên biết chướng ấy lược có năm thứ:

1. Chướng ngại do chậm chạp.
2. Chướng ngại do có tội.
3. Chướng ngại do khinh mạn.
4. Chướng ngại do Tạo ác.
5. Chướng ngại của đối tượng nhận biết.

- Chướng ngại do chậm chạp: Nghĩa là do biếng trễ nên đối với các pháp thiện không siêng năng Tạo phương tiện.

- Chướng ngại do có tội: Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc do tham triền, hoặc do sân triền, hoặc do si triền, hoặc do tùy một Tâm pháp nơi các tùy phiền não khác làm nhiễm ô. Kẻ ấy đã sanh khởi phiền não, tùy phiền não triền như thế, chấp giữ chặt không bỏ.

- Chướng ngại do khinh mạn: Nghĩa là như có một hữu tình không tôn trọng pháp đã học, ở trong các học không hết lòng cung kính, đối với điều đã phạm không thấy sợ hãi, mà còn tạo phạm, phạm rồi thì không thể mau chóng phát lồ. Nơi trụ xứ của bậc đại sư cùng trong các học, Tánh Không tôn kính.

- Chướng ngại do tạo ác: Nghĩa là như có một hữu tình nhiễm ô tương tục, tiếp xúc tạo ác, đối với việc tạo ác ấy không thể khéo léo dứt trừ rốt ráo, luôn có giận dữ có thích thú nơi các việc tạo ác.

- Chướng ngại của đối tượng nhận biết (sở tri chướng): Nghĩa là như có một hữu tình Tâm mang biến đổi, hối tiếc, dựa nhân nơi giới tịnh không sanh hoan hỷ, do không hoan hỷ nên không sanh vui thích, như thế cho đến Tâm không được định. Do Tâm không định nên không nhận biết đúng như thật, quán xét đúng như thật. Do nhân duyên này, nên gọi là chướng ngại của đối tượng nhận biết. Chướng ngại do chậm chạp được tiếp xúc, nên đối với các phiền não và tùy phiền não làm

Tánh chấp trước. Do Tánh chấp trước nên lại bị chướng ngại do có tội xúc đối. Bị chướng ngại do có tội xúc đối nên ở trong các học không cung kính sâu xa, lại vui thích phạm tội. Vì vui thích phạm tội nên liền bị chướng ngại do khinh mạn xúc đối. Tức bị chướng ngại do khinh mạn xúc đối, nên sanh hối tiếc không thể trừ bỏ. Đã sanh hối tiếc nên liền bị chướng ngại do tác ác xúc đối. Bị chướng ngại do tạo ác tiếp xúc nên sự biến đổi, hối tiếc càng tăng. Vì nhân duyên này, nói rộng cho đến Tâm không được định. Tâm không được định nên liền bị chướng ngại của đối tượng nhận biết xúc đối, Tác động. Như thế gọi là chướng ngại sanh khởi theo thứ lớp. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là năm thứ không chướng ngại, nghĩa là không có chướng ngại do chậm chạp cho đến không có chướng ngại do đối tượng nhận biết.

Lại nữa, ý lạc hủy hoại: Là đối với chỗ đã phạm hãy còn không thể ra khỏi, huống hồ là có thể không phạm.

Thế nào gọi là ý lạc hủy hoại? Nghĩa là lược có năm thứ:

1. Đối với tinh tấn không phát khởi mong muốn.
2. Đối với phiền não có dục nhiễm chấp.
3. Đối với chỗ đã phạm có khởi dục phạm.
4. Đối với việc tạo ác không mong muốn dứt trừ.
5. Đối với đảng trì không muốn dẫn phát.

Lại nữa, ý lạc đầy đủ hãy còn không có phạm, huống hồ là tạo ra chỗ phạm.

Thế nào gọi là ý lạc đầy đủ? Nên biết đây cũng lược có năm thứ:

1. Đối với tinh tấn có mong muốn phát khởi.
2. Đối với phiền não không có dục nhiễm chấp.
3. Đối với chỗ đã phạm khởi mong muốn không phạm.
4. Đối với việc tạo ác có mong muốn trừ dứt.
5. Đối với đảng trì có mong muốn dẫn phát.

Như Đức Thế Tôn nói: “Đối với tội đã phạm, do ý lạc nên ta nói có thể ra khỏi, không trị phạt”.

Lại nữa, nên do mười xứ để xét tìm về đối tượng phạm. Nghĩa là do pháp Biệt giải thoát. Do phân biệt rộng về Tỳ-nại-da. Trong năm tụ phạm, do phạm về tự tướng. Do sáu thứ sai biệt nên thành tướng nặng:

1. Sai biệt về chế lập.
2. Sai biệt về sự.
3. Sai biệt của phiền não.
4. Sai biệt do gây tạo.

5. Sai biệt của Bồ-đặc-già-la.

6. Sai biệt về thời gian.

Do không xấu hổ, trừ Ba-la-xà-dĩ-ca, tướng tàn dư còn lại. Do mới hành tác, không phải mới hành tác, đã hiện hành. Do bức não nên xuất ly. Do chướng nạn nên xuất ly. Do có phạm lúc các Bí-sô bạch Đại sư. Do các Bí-sô bạch rồi, Đại sư vì muốn ngăn dứt, nên theo chỗ phạm tập hợp Tăng chúng. Do Tăng chúng tập hợp rồi, chế lập về chỗ đã phạm. Chế lập về chỗ phạm rồi, lại vào thời gian sau, theo sự mà mở ra, cho phép, khiến được rốt ráo, không có nào hại.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết đã chế lập về xuất ly là hết sức sâu xa:

1. Xuất ly không nhiễm.
2. Xuất ly do bức não.
3. Xuất ly do chướng nạn.
4. Xuất ly không mưu tính.
5. Xuất ly nêu hối tiếc.

- *Xuất ly không nhiễm*: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong pháp đã phạm nhỏ của một tùy thuận nhỏ, theo chỗ hành đã có, hoặc pháp thiện Tăng, pháp bất thiện giảm. Do nhân duyên ấy nên không nhiễm ô. Do không nhiễm ấy tức là xuất ly. Thế nên nói là xuất ly không nhiễm.

- *Xuất ly do bức não*: Nghĩa là như có một hữu tình gặp phải sự khốn khổ do bệnh nặng bức bách, ngoại trừ Tánh tội, đối với pháp phạm khác, theo chỗ hành đã có, vì sự bức não này tức là xuất ly, thế nên gọi là xuất ly do bức não.

- *Xuất ly do chướng nạn*: Nghĩa là như thấy có hữu tình thân mạng bị nạn hiện tiền, hoặc phạm hạnh bị nạn, ở trong pháp đã phạm nhỏ của sự thuận theo nhỏ, tùy chỗ hành đã có, do chướng nạn này tức là xuất ly, vì vậy gọi là xuất ly do chướng nạn.

- *Xuất ly không mưu tính*: Nghĩa là như có một hữu tình đi đến nơi phương khác, trải qua vùng đồng trống hoang vắng, là xứ thiếu thốn, theo đấy có một thứ pháp chướng nạn hiện tiền, tùy nơi sự hiện có nên thọ dụng cầu pháp thọ dụng nhưng không thể được, bèn sanh kính sợ thọ dụng sự ấy. Ở trong pháp đã phạm nhỏ của sự thuận theo nhỏ, tùy chỗ phạm đã có, do đấy không mưu tính tức là xuất ly, thế nên gọi là xuất ly không mưu tính.

- *Xuất ly nêu hối tiếc*: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong chỗ phạm chưa đầy đủ của năm tụ phạm, theo điều phạm hiện có, bèn đến

trụ xứ của bậc có trí đồng phạm hạnh, dùng pháp bí mật của Tỳ-nại-da, phát lộ, nêu bày rõ, theo đúng pháp sám hối, dứt trừ.

Nói: “Pháp đã phạm nhỏ của sự tùy thuận nhỏ”: Nghĩa là trừ Tánh tội.

Lại nữa, lược do năm xứ, nên biết chế lập về dừng dứt là hết sức sâu xa:

1. Thanh tịnh.
2. Ngăn chặn sự phá hoại.
3. Nhằm tiếp nhận Bồ-đặc-già-la của nghĩa lợi rộng lớn khiến nhập nơi pháp.
4. Vì khiến Thánh giáo càng thêm Tăng thịnh.
5. Vì nhằm ngăn chặn những khó khăn cho đời sống.

- Thanh tịnh: Nghĩa là có các vị A-la-hán, việc cần làm đã làm xong, đạt được thanh tịnh, do chư vị đã chứng đắc thanh tịnh tốt bậc, nên Tăng chúng liên đới với học xứ nhỏ hiện có của chư vị cùng chỗ tùy thuận nhỏ, Tất cả đều được dừng dứt.

- Ngăn chặn sự phá hoại: Nghĩa là một phần Bí-sô ở trong chúng Tăng đối với điều đã phạm khởi tưởng không phạm, ở trong chỗ không phạm sanh tưởng có phạm. Một phần Bí-sô thì ở trong chỗ có phạm sanh tưởng có phạm, nơi chỗ không phạm sanh tưởng không phạm. Do nhân duyên này nên phát khởi vô số tranh chấp, chống trái nhau, vì thế khiến Tăng chúng không được an lạc. Vì muốn dứt hẳn sự tranh chấp ấy, nên Tăng chúng hòa hợp bạch Tứ yết ma. Nơi học xứ hiện có nhỏ cùng chỗ tùy thuận nhỏ đều cùng dừng dứt.

- Vì nhằm tiếp nhận Bồ-đặc-già-la của nghĩa lợi rộng lớn, khiến nhập nơi pháp: Nghĩa là như có một hữu tình thuộc tộc họ cao quý, ở trong Thánh giáo có nhiều hành tác. Tăng chúng gặp người ấy, không có phương tiện riêng có thể khiến nhập nơi pháp. Vì nhằm tiếp nhận khiến được hội nhập, nên Tăng chúng hòa hợp bạch Tứ yết ma, đối với học xứ nhỏ hiện có cùng chỗ tùy thuận nhỏ, đều được dừng dứt.

- Vì khiến Thánh giáo càng thêm Tăng thịnh: Nghĩa là nơi kiếp sau cùng, kiếp tranh chấp, kiếp cấu uế, lúc đang hiện tiền, vô lượng hữu tình đối với rất nhiều học xứ nhỏ cùng chỗ tùy thuận nhỏ, không vui thích tu học. Người chưa nhập pháp thì không mong muốn hưởng nhập. Người đã nhập pháp rồi lại muốn lìa tan. Do đấy nên Thánh giáo dần dần suy thoái, không được tăng thịnh. Vì nhân duyên này nên Tăng chúng hòa hợp, nhằm khiến cho Thánh giáo được Tăng thịnh nên bạch Tứ yết-ma. Đối với học xứ hiện có nhỏ cùng tùy thuận nhỏ thấy đều

dừng dứt.

- Vì nhằm ngăn chặn khó khăn cho đời sống: Là đối với kiếp sau cùng, kiếp tranh chấp, kiếp ế tạp, lúc hiện tiền, do các học xứ nhỏ, tùy thuận nhỏ, nên khiến các Bí-sô gặp khó khăn cho đời sống. Vì nhằm dứt trừ sự khó khăn cho đời sống, nên Tăng chúng hòa hợp bạch Tứ yết ma, dừng dứt học xứ.

Lại nữa, lược do năm thứ Bồ-đặc-già-la, đối với mười yết ma, nên biết chế lập về yết ma là hết sức sâu xa.

- Những gì là mười thứ Yết-ma? Đó là:

1. Yết-ma thọ cụ giới.
2. Yết-ma kiết giới.
3. Yết-ma trưởng dưỡng.
4. Yết-ma đồng ý.
5. Yết-ma hướng đến.
6. Yết-ma tứ cử.
7. Yết-ma trị phạt.
8. Yết-ma thấu nhận.
9. Yết-ma bạch nhị.
10. Yết-ma bạch tứ.

- Thế nào là năm thứ Bồ-đặc-già-la? Đó là:

1. Bồ-đặc-già-la dụ cho huệ sâu.
2. Bồ-đặc-già-la dụ cho anh vũ.
3. Bồ-đặc-già-la dụ cho đước sáng.
4. Bồ-đặc-già-la dụ cho ánh chớp.
5. Bồ-đặc-già-la dụ cho viết vẽ.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la dụ cho huệ sâu? Nghĩa là như có một hữu tình ở trong mười thứ Yết-ma đã nói trên, chỉ dựa nơi nghĩa, không dựa nơi văn, chỉ tùy nơi nghĩa chuyển, không tùy theo âm thanh, tuy ở trong ấy chưa tạo ngôn từ Yết-ma như thế, nhưng có thể dựa vào nghĩa, phát khởi ngôn ngữ, hành nơi nghĩa ấy.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la dụ cho anh vũ? Nghĩa là như có một hữu tình, chỉ dựa nơi văn, không dựa nơi nghĩa, chỉ tùy theo văn chuyển, không tùy nơi nghĩa, không thể dựa vào nghĩa mà phát khởi ngôn từ khác biệt.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la dụ cho đước sáng? Nghĩa là như có một hữu tình dựa nơi một ít yết ma liền tạo nhiều Tăng ích, hiện hành vô số ngôn từ tùy ý ví như ngọn đước sáng tỏ.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la dụ cho ánh chớp? Nghĩa là như có một

hữu tình, hoặc vào một thời gian ở trong các Yết-ma và các học hiện bày điều có thể thấy được, hoặc nơi một thời gian đều không hiện thấy, ví như ánh chớp.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la dụ cho viết vẽ? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ chế lập ngôn từ Yết-ma, tức như vậy chuyển không tăng không giảm, như người viết vẽ.

Lại có năm thứ Tỳ-nại-da giả dối:

1. Chế lập học xứ giả dối.
2. Chế lập chỗ phạm giả dối.
3. Chế lập xuất ly giả dối.
4. Chế lập dừng dứt giả dối.
5. Chế lập Yết-ma giả dối.

- Thế nào là chế lập học xứ giả dối? Tức như có một hữu tình, được chế lập học xứ không nhập nơi Khế kinh, không hiện nơi Luật, trái ngược với pháp Tánh. Trái ngược với pháp Tánh: Nghĩa là có thể làm tăng trưởng các pháp bất thiện cùng có thể làm tổn giảm các pháp thiện hiện có.

- Thế nào là chế lập chỗ phạm giả dối? Tức như có một hữu tình, ở trong chỗ có phạm cho là không phạm, ở trong chỗ không phạm cho là có phạm.

- Thế nào là chế lập xuất ly giả dối? Tức như có một hữu tình, đối với nẻo không xuất ly cho là xuất ly, ở trong nẻo xuất ly cho là không xuất ly.

- Thế nào là chế lập dừng dứt giả dối? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ không nên dừng dứt, chế lập dừng dứt, ở trong chỗ nên dừng dứt thì chế lập không dừng dứt.

- Thế nào là chế lập Yết-ma giả dối? Nghĩa là như có một hữu tình đối với không phải pháp yết ma lập pháp Yết-ma, ở trong pháp Yết-ma thì lập không phải pháp Yết-ma.

Lại nữa, trừ mười thứ sự, nếu có Bí-sô đối trước người khác, nêu bày chỉ rõ về các Bí-sô khác đã hoại giới, hoại kiến, hoại các phép tắc cùng hoại chánh mạng, nên biết những lời nói ấy là không thanh tịnh.

- Thế nào là mười sự? Đó là:

1. Đối với Phật bảo muốn tạo tổn hại. Như đối với Phật bảo
2. Đối với Pháp bảo.
3. Đối với Tăng bảo, nên biết cũng thế.
4. Thấy do điều kia nên hoại Giới, hoại kiến, hoặc hoại phép tắc, hoặc hoại chánh mạng, phẩm loại dần dần tăng trưởng lớn

rộng, hoặc nghe hoặc nghi.

5. Thấy kẻ kia hiển bày các việc hủy hoại như thế là không phải Chánh pháp, hoặc nghe hoặc nghi.

6. Muốn khiến cho kẻ kia ra khỏi xứ pháp bất thiện là hoại giới hoại kiến v.v... cùng muốn đặt yên họ nơi xứ của các pháp thiện.

7. Vì hộ trì Tâm khác, chớ khiến kẻ khác tạo sự hiểu biết như vậy: Các Bí-sô ấy thấy đều hoại giới hoại kiến hoại phép tắc, hoại chánh mạng, nhưng cùng che giấu.

8. Hoặc có thí chủ, hoặc là Ô-ba-sách-ca, hoặc xây dựng chùa, chủ thưa với Tăng chúng, nói như vậy: “Tôi không chấp nhận các vị có hoại giới cho đến hoại chánh mạng trụ Tại nơi đây! Các vị Bí-sô nếu thấy kẻ hoại giới cho đến hoại chánh mạng, nên báo cho tôi biết!”. Nếu các Tăng chúng cùng nghe lời này.

9. Hoặc có người thấy kẻ khác, do nhân duyên này, trong lòng mang nổi giận trách, muốn dấy khởi điều vô nghĩa, hoặc nghe hoặc nghi.

10. Tăng chúng đối với kẻ hành pháp ác, làm nhiễm ô nhà người khác, do hoại giới hoại kiến hoại phép tắc hoại chánh mạng ấy: nhưng không có đủ năng lực để trị phạt, đuổi đi. Chỉ có một nhân, chỉ có một duyên, đó là hướng đến kẻ khác, nói sự không thanh tịnh của kẻ kia. Hoặc nhân sự đố kỵ, hoặc nhân nơi giận ghét, hoặc nhân nơi của cải, lợi lộc, muốn hủy hoại, muốn bức náo, muốn khiến tổn hại. Do duyên ấy nên hướng tới kẻ khác để nói. Nên biết đó gọi là nói không thanh tịnh.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da, lược có năm thứ sự của các thí dụ có thể hiển bày nghĩa của pháp:

1. Sự của bản sanh.
2. Sự của bản sự.
3. Sự của ảnh tượng.
4. Sự giả hợp.
5. Sự thí dụ.

- Sự của bản sanh: Là nói về sự nơi hạnh Bồ-tát của đời trước.

- Sự của bản sự: Là nói về các sự tương ứng của đời trước.

- Sự của ảnh tượng: Là nói về các dụ như sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ, với hình ảnh hiển bày về Bồ-đặc-già-la tối thắng.

Lại dùng bảy thứ dụ về hữu tình ở trong sông của thế gian, hình ảnh hiển bày về bảy thứ Bồ-đặc-già-la trong Chánh pháp. Như thế, chủng loại của ảnh tượng còn lại đều nên nhận biết rõ.

- Sự giả hợp: Nghĩa là dụ về đại vương, hoặc dụ về lương y. Vô

lượng dụ khác của loại như thế, thuận theo phẩm nhiễm ô cùng thanh tịnh.

Lại có hiện thấy các dụ của thế gian, hoặc dựa nơi phẩm Tạp nhiễm, hoặc dựa nơi phẩm thanh tịnh. Do phần ít cùng tương ứng kia, nên giả hợp mà nói.

- Sự thí dụ: Là nói về rất nhiều thí dụ rộng lớn. Như thí dụ về lớn cùng vô lượng dụ khác nơi các loại như thế.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên kiến lập đối tượng nhận biết về các pháp có sai biệt. Năm thứ tướng là:

1. Do Sự.
2. Do phẩm Nghiệp có sai biệt.
3. Do nơi chốn dựa của Trí có sai biệt.
4. Do Trí có sai biệt.
5. Do gồm thân Trí khác có sai biệt.

- Thế nào là do Sự? Nghĩa là lược nói tất cả pháp hữu vi vô vi, gọi là Sự của đối tượng nhận biết.

- Thế nào là do phẩm Nghiệp có sai biệt? Nghĩa là sự này lại có năm phẩm được nhận biết có sai biệt, cùng năm phẩm được nhận biết ấy đã Tạo nghiệp. Những gì là năm? Đó là:

1. Đối tượng nhận biết này hoặc có giả lập nên gọi là đối tượng nhận biết.
2. Hoặc có thắng nghĩa nên gọi là đối tượng nhận biết.
3. Hoặc có chỗ tạo tác rất ráo nên gọi là đối tượng nhận biết.
4. Hoặc có tha Tâm hành tịnh bất tịnh, nên gọi là đối tượng nhận biết.
5. Hoặc có tất cả chủng loại riêng, nên gọi là đối tượng nhận biết.

Nếu Trí thế tục có thể biết rõ về đối tượng được nhận biết giả lập. Biết về giả lập nên nhận biết rõ đúng như thật về pháp thiện, bất thiện của đạo lý thế tục, có tội không tội, nói rộng cho đến pháp duyên sanh, một phần nên xa lìa, một phần nên tu tập.

Lại có thể nhận biết rõ về ngôn thuyết thế tục, du hành nơi thế gian, theo nhân theo duyên dấy khởi các hành về Pháp trí, Loại trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí.

Có thể biết rõ về đối tượng nhận thức của thắng nghĩa. Do nhận biết về thắng nghĩa, nên có thể chứng biết pháp do Kiến đạo, Tu đạo đoạn trừ, có thể chứng đắc Tận trí, Vô sanh trí. Có thể biết rõ về sự tạo tác rất ráo nơi đối tượng nhận thức. Nhận biết sự tạo tác rất ráo, nên

Tâm được quyết định, không có nghi hoặc, ở trong chỗ tự quyết đoán, lia bỏ Tăng thượng mạn.

Trí tha Tâm có thể biết rõ về hành tịnh bất tịnh của Tâm kẻ khác nơi đối tượng được nhận thức. Do nhận biết điều ấy nên biết rõ như thật về giới ý lạc hiện có cùng tùy miên của kẻ khác.

Trí của mười lực có thể biết rõ về tất cả chủng loại riêng nơi đối tượng được nhận thức. Do nhận biết như thế, nên có thể đối với kẻ khác khởi tất cả chủng loại chỉ dạy trao khuyên chính đáng. Có thể đoạn trừ nghi hoặc của hết thảy hữu tình. Có thể khéo an lập tất cả hữu tình nơi quả của nẻo thiện, cũng có uy lực lớn trong sự giải thoát. Có thể tạo mọi sự lợi ích cùng an lạc cho hết thảy hữu tình. Như thế gọi là năm phẩm đối tượng nhận biết cùng năm thứ nghiệp.

- Thế nào là do nơi chốn nương dựa của Trí có sai biệt? Nghĩa là có hai thứ:

1. Hành tự lợi.
2. Hành lợi tha.

Hoặc tùy thuận Trí thế tục đoạn trừ. Hoặc Trí thắng nghĩa có thể đoạn trừ chính đáng. Hoặc đối với Trí tạo tác rốt ráo đã đoạn trừ. Các Trí như thế nên biết là nương nơi chỗ dựa của hành tự lợi. Hoặc đối với Tha Tâm trí hiện có của Giới ý lạc và tùy miên nơi kẻ khác. Hoặc ở trong tất cả chủng loại riêng nơi đối tượng nhận thức, với Trí của mười lực hiện có. Hai Trí như thế nên biết là nương nơi chỗ dựa của Hành lợi tha. Như thế gọi là do chỗ dựa của Trí có sai biệt.

- Thế nào là do Trí có sai biệt? Nghĩa là Trí thế tục hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, chỉ là thế gian. Vô lậu: Tức ở trong tất cả thân vô học đã đoạn trừ, có thể chứng đắc. Đây cùng với phần còn lại gọi chung là Trí thế tục, cũng chỉ là thế gian. Nên biết Pháp trí, Loại trí còn lại là xuất thế gian, cũng chính là vô lậu.

Tận trí, Vô sanh trí, nên biết chỉ sanh trong chỗ lậu đã dứt hết, hoặc không phân biệt Tận và vô sanh. Nghĩa là ta đã đạt được các lậu hoàn toàn dứt hết, đối với khổ nơi vị lai không còn sanh nữa, chính là vô lậu, chỉ là xuất thế gian.

Nếu Tạo phân biệt như thế, chỉ là vô lậu nơi thế gian, xuất thế gian. Thuộc về Trí thế tục là Tha Tâm trí sanh trong sự tương tục của A-la-hán ấy chưa từng đạt được, chỉ là thế gian.

Nếu Tại phạm phu cùng trong sự nối tiếp của bậc hữu học, là hữu lậu. Nếu ở trong sự nối tiếp của bậc vô học, là vô lậu.

Hỏi: Do nhân duyên nào, nên các Trí thế tục trong thân thanh tịnh gọi là vô lậu?

Đáp: Do trong thân kia, các tùy miên của lậu đã hoàn toàn đoạn trừ. Lại, các Trí này là cảnh nơi đối tượng hành hiện bày của Tha Tâm trí. Tha Tâm trí này tánh không nhiễm ô, không phải là cảnh nơi đối tượng hành được hiện bày của nhiễm ô khác.

Lại, tự tánh của Trí ấy không cùng tương ứng với tất cả phiền não. Thế nên Trí ấy do tùy miên, do đối tượng duyên, do tương ứng, nên đều thành vô lậu.

Trí mười lực, ở trong sự tương tục của Như lai, là chưa từng được, chỉ là vô lậu, thuộc về Trí thế gian. Vì sao? Vì do Nhất thiết chủng trí này đều mang theo hý luận mà hiện hành.

- Thế nào là do gồm thân Trí khác có sai biệt? Nghĩa là: Trí thần thông, Trí giải thoát môn, Trí vô ngại giải, Trí không tranh, Trí nguyện, Trí của lực, Vô úy, Niệm trụ, Tất cả chủng nơi pháp Phật bất cộng, theo chỗ ứng hợp, nên biết đều là thuộc về các Trí như trước đã nói. Nghĩa là năm thân thông, đều thuộc về Trí thế tục.

Nếu các phàm phu cùng trong sự nối tiếp của các bậc hữu học, đều là hữu lậu. Nếu ở trong sự nối tiếp của các bậc vô học, thì đều là vô lậu. Thân thông thứ sáu, thuộc về hai Trí là Tận trí và Vô sanh trí. Hai Trí này như trước đã nói, nên biết. Trí của môn giải thoát không, thuộc về Tám Trí, nghĩa là Pháp trí, Loại trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí cùng Tận trí, Vô sanh trí xuất thế gian.

Trí của môn giải thoát vô nguyện thuộc về sáu Trí, nghĩa là Pháp trí, Loại trí, Khổ trí, Tập trí, Tận trí, Vô sanh trí.

Trí của môn giải thoát vô tướng thuộc về năm Trí, là Pháp trí, Loại trí, Diệt trí, Tận trí, Vô sanh trí.

Trí vô ngại giải, Trí vô Tánh, Trí nguyện, Trí mười lực v.v... nơi tất cả pháp Phật bất cộng đều thuộc về Trí thế tục, đều là vô lậu.

Tại A-la-hán cùng trong sự tương tục của Như lai, như chỗ ứng hợp đều nên biết. Kiến lập tướng của các môn giải thoát, như nơi phần Bản địa đã nói. Pháp Phật bất cộng cùng vô ngại giải, như nơi địa Bồ Tát đã nêu rõ.

Lại nữa, thế nào là Thần cảnh? Thế nào là Thần cảnh trí? Thế nào là tác chứng Thần cảnh trí? Nghĩa là, từ một loại biến tạo ra nhiều loại, như thế nơi rộng cho đến thân tự tại của Phạm Thế chuyển. Đó gọi là Thần cảnh. Do Thần cảnh trí đối với cảnh giới này lãnh nhận, thị hiện, thế nên gọi đấy là Thần cảnh. Nếu Trí gồm đủ uy đức lớn, do tu

tạo thành là quả của tu, gọi là Thần cảnh trí. Do Trí này đối với cảnh kia có thể lãnh nhận, có thể thị hiện, vì vậy gọi đây là Thần cảnh trí. Tức chủng tử của Trí này, do chỗ thâm nhận của sanh duyên, nên uy lực Tăng trưởng nối tiếp tùy chuyển, gọi là tác chứng Thần cảnh trí. Như thế, tất cả được gồm thâm chung làm một, gọi là tác chứng thần cảnh trí.

Thế nào là Thiên nhĩ? Thế nào là Thiên nhĩ trí? Thế nào là tác chứng Thiên nhĩ trí? Nghĩa là, nếu tu quả sắc thanh tịnh thuộc về nhĩ (Tai) thì đó gọi là Thiên nhĩ. Trí dựa nơi nhĩ thức tương ứng gọi là Thiên nhĩ trí. Tác chứng của Trí này nên biết như trước đã nói. Như vậy, tất cả được gồm thâm chung làm một, như đã nêu ở trước.

Lại nữa, do đạo lý này, nên tất cả chỗ tạo lời hỏi chung còn lại, như trước nên biết. Lời giải thích hiện có, theo chỗ ứng hợp, nay sẽ nêu rõ. Nghĩa là các Tâm khác, do có sai biệt như tham v.v... mà chuyển nên gọi là Tâm sai biệt. Nếu gồm đủ uy đức lớn, do tu tạo thành, là quả của tu, duyên nơi Trí kia làm cảnh, gọi là Trí của Tâm sai biệt. Trí này Tác chứng, như trước nên biết. Như thế, tất cả được gồm thâm chung làm một, như trước đã nêu. Nếu đối với tự thể có sai biệt của đời quá khứ, nhận biết rõ, ghi nhớ, gọi là “Túc trụ tùy niệm”. Hoặc Trí gồm đủ uy đức lớn, do tu tạo thành, là quả của tu, nương dựa nơi niệm, cùng với niệm tương ứng, nên mới được chuyển, do đó gọi là Trí túc trụ tùy niệm. Phần còn lại như trước đã nói.

Nếu các hữu tình, đối với vô số sai biệt của sắc tốt xấu v.v... từ chúng hữu tình có những sai biệt kia mất đi, nơi chúng hữu tình riêng khác ấy sanh ra, gọi là tử sanh.

Nếu quả của tu là sắc thanh tịnh thuộc về nhãn (mắt) dùng làm chỗ dựa, duyên nơi cảnh tử sanh, Thức tương ứng với Trí, gọi là Trí tử sanh. Phần còn lại như trước đã nói.

Nếu tất cả Kiết đã vĩnh viễn đoạn trừ không còn sót, gọi là lậu Tận. Tức ở trong ấy, tận trí cùng Vô sanh trí thế gian gọi là Trí lậu tận. tất cả phần còn lại nên biết như trước.

Lại nữa, những vị gồm đủ thần thông tu hành Quán: Nếu gặp lúc thuận tiện liền có thể thị hiện, hoặc lại an trụ, hoặc hành lợi tha, hoặc ở trong ấy có thể khéo hỏi, ghi. Do đó gọi là người có đủ thần thông.

Lại nữa, ba thông trước là thông, không phía mình. Ba thông sau, cũng là thông, cũng là mình, do có thể đối trị ngu của ba đời.

Lại, thần thông thứ nhất có thể xoay chuyển loại khác, khiến kẻ khác đối với mình phát sanh tôn kính. Thần thông thứ hai, nhận biết

về ngũ nghiệp nhiễm tịnh nơi đối tượng hành của kẻ khác, có thể khéo trách cứ khiến kẻ kia hoan hỷ. Thần thông thứ ba khéo có thể nhận biết về Tâm hành hoặc thiện hoặc bất thiện của kẻ khác có sai biệt, có thể chỉ dạy, trao truyền cùng khuyên bảo đúng đắn.

Ba thần thông sau có thể khiến xa lìa hai biên thường, đoạn, có thể lìa bỏ Tăng thượng mạn, đạt không điên đảo, dựa nơi lậu dứt hết, tuyên thuyết về Trung đạo, tức ở trong ấy có thể khéo chỉ dạy, trao truyền.

Lại nữa, quán xét về uy lực của ba thứ nghĩa nơi Bí-sô A-la-hán lợi căn, câu phần giải thoát, trụ nơi định vô tránh. Nghĩa là hoặc có một hữu tình, trước từng ở nơi đẳng trì vô tránh kia, nghe có vô lượng thắng lợi sai biệt, Tâm sanh hỷ lạc, phát khởi nguyện thù thắng. Do nhân duyên ấy, duyên nơi định kia làm cảnh, ý lạc mãnh liệt, thường xuyên huân tu. Vị ấy đã chứng đắc A-la-hán rồi, do định kia làm nhân, do định ấy làm duyên, tức ở trong đó, Tâm vui thích hưởng nhập, vì vậy hôm nay trụ nơi định vô tránh.

Lại, như có một hữu tình, xưa, lúc là phàm phu, khiến các hữu tình dấy khởi vô số tranh chấp, đối với các kẻ tranh chấp kia phát sanh đủ loại sự sân hận, não hại. Nay đã chứng đắc quả A-la-hán, đối với các hành ngu phu đã hành thời xưa, sanh hối hận xấu hổ lớn, vì thế hôm nay trụ nơi định vô tránh.

Lại, như có một hữu tình, tự mình đã chứng đắc quả A-la-hán, muốn khiến cho vô lượng chúng sanh Tạo Tác thuận hợp, hiện pháp thọ nhận nghiệp quả đáng yêu thích. Lại nhằm khiến họ ở trong hiện pháp thọ nhận quả đáng yêu thích. Lại nhằm khiến họ ở trong hiện pháp thọ nhận quả đáng yêu thích, do đó tạo phương tiện trụ nơi định vô tránh. Do nhân duyên ấy, huân tu biên vực thuộc Tinh lự thứ tư dùng làm chỗ dựa, phát sanh Tam-ma-địa tướng vô tránh, phòng hộ tha Tâm, tự mình dấy khởi tất cả oai nghi, trọn không khiến kẻ khác khởi phiền não tranh chấp. Thế nên gọi đây là vô tránh (không tranh).

Như thế, vì nhằm phòng hộ tha Tâm, nên tùy chỗ nương dựa là trụ nơi làng xóm thôn ấp, thứ lớp quán xét Tâm của các chúng sanh khắp các chốn kia. Quán xét về Tâm nơi đời vị lai của mỗi mỗi chúng sanh thuộc tất cả gia đình, khắp mọi phố phường. Quán như vậy rồi, vị ấy hoặc nhận biết rõ về thôn ấp như thế, xóm làng như thế, gia thuộc như thế, chúng sanh như thế, nên đối với Ngã sở, lúc vừa được thấy, tất định sanh khởi các phiền não tranh chấp, tức liền ẩn tránh, khiến các chúng sanh kia đều không thể thấy. Vị ấy, nếu nhận biết rõ là không do thấy,

do không thấy, nên sanh phiền não tranh chấp, tức tạo phương tiện khiến chúng sanh kia được thấy. Vị ấy nếu nhận biết rõ, do tùy thuận nên khiến không khởi tranh chấp, tức nên quan sát sự việc được tùy thuận là tịnh hay bất tịnh. Nếu là thanh tịnh, tức cùng đồng thấy chỗ tùy thuận nơi sự kia. Nếu không thanh tịnh, hoặc lại quán xét sự việc của chỗ tùy thuận kia, khiến kẻ khác nối tiếp dấy khởi phiền não tranh chấp. Đã quán xét rồi, thì không đồng cùng thấy. Lại, quán xét kỹ, hoặc nhân nơi ngôi ngữ như thế, uy nghi như thế, thâm nhận như thế, thọ dụng các vật như y phục v.v... như thế, thuyết pháp như thế, khuyến bảo dẫn dắt như thế, khiến kẻ khác vẫn nối tiếp dấy khởi phiền não tranh chấp, tức liền xa lìa. Ngôn ngữ như thế, nói rộng cho đến khuyến dẫn như thế. Vị ấy do phần nhiều trụ nơi trụ như vậy, hành nơi hành như vậy, thế nên gọi là trụ nơi vô tránh.

Thế nào là Trí nguyện? Nghĩa là Bí-sô A-la-hán lợi căn, câu phần giải thoát, huân tu biên vực nơi Tĩnh lự thứ tư làm chỗ nương dựa. Nếu là thừa Thanh văn thì theo cảnh giới nơi đối tượng hành của Trí Thanh văn. Nếu là thừa Độc giác thì tùy theo cảnh giới nơi đối tượng hành của Trí Độc giác, khởi nguyện như vậy: “Nguyện cho con sẽ nhận biết về cảnh giới của đối tượng nhận thức như thế như thế. Từ đấy hướng nhập, huân tu về biên vực nơi Tĩnh lự thứ tư. Đã nhập định rồi, tùy theo sở nguyện từ trước, hết thấy đều nhận biết rõ, hoặc như là Trí không chướng ngại của chư Như-lai hiện bày khắp nơi cảnh giới của đối tượng nhận thức.

Lại nữa, chư Phật Như-lai, đối với định vô tránh không thường xuyên hội nhập. Vì sao? Vì có những sự việc tạo lợi ích thù thắng cho các chúng sanh, do khởi phiền não nên cùng lúc thành tựu đầy đủ. Như lai, đối với sự việc tạo lợi ích thù thắng ấy, không thể dứt bỏ.

Lại nữa, như huân tu biên vực nơi Tĩnh lự thứ tư dùng làm chỗ dựa, dẫn phát vô tránh cùng Trí nguyện, nên biết diệu trí nơi tất cả pháp Phật bất cộng hiện có của Như-lai cũng thế. Các thần thông còn lại, Tất cả Tĩnh lự dùng làm chỗ dựa, đều có thể dẫn phát.

Lại nữa, chỉ dựa nơi các Tĩnh lự cùng định vị chí, cận phần của Tĩnh lự thứ tư, có thể nhập hiện quán Thánh đế, không phải là định vô sắc. Vì sao? Vì trong định vô sắc, đạo Xa-ma-tha hơn, đạo Tỳ-bát-xá-na kém, không phải đạo Tỳ-bát-xá-na kém mà có thể nhập nơi hiện quán Thánh đế, cũng không phải sanh nơi địa trên, hoặc cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc, có thể đầu tiên nhập nơi hiện quán Thánh đế. Vì sao? Vì nơi xứ kia khó sanh chán lìa. Nếu chán lìa phần ít hãy còn không thể nhập hiện

quán Thánh đế, hưởng hồ là nơi xứ ấy, tất cả Tâm chán lìa, dù chỉ một phần ít cũng không.

Lại nữa, sẽ nói về Trí thế tục cùng Trí vô lậu xuất thế gian, nơi thời kỳ đầu giữa sau sanh khởi có sai biệt.

Nghĩa là Trí thế tục, lúc đầu nơi phần vị phàm phu, khởi năm thứ kiến nhiễm ô, cùng với tham v.v... tương ứng như trước đã nói. Các Trí thế tục nhiễm ô là Trí Tà, cần đoạn trừ. Nên biết vì muốn sanh khởi sự đối trị chúng nên lại khởi kiến không điên đảo, thâm nhận tin tưởng nơi thế gian, là thuộc về Trí thế tục hữu lậu, thiện. Do chánh kiến này làm chỗ dựa, nên tiếp theo là khởi huệ diệu do văn, tư Tạo thành. Nơi các niệm trụ siêng tu hành quán, cũng là thuộc về Trí thế tục hữu lậu, thiện. Do huệ ấy làm chỗ dựa, nên tiếp theo, ở trong đạo phương tiện của phần thuận quyết trạch, nhờ huệ do tu tạo thành, nên đối với các niệm trụ siêng tu hành quán, cũng thuộc về Trí thế tục hữu lậu thiện. Dùng huệ đó làm chỗ dựa, tiếp đến dấy khởi phương tiện của kiến đạo nơi phần thuận quyết trạch, cùng hành với huệ do tu tạo thành, đối với các niệm trụ siêng tu hành quán, cũng thuộc về Trí thế tục hữu lậu thiện.

Do dấy làm chỗ dựa, tiếp đến dấy khởi pháp Thế đệ nhất, là chánh kiến thuộc về đạo vô gián của kiến đạo, cũng là Trí thế tục hữu lậu thiện gồm thâu. Như thế gọi là thứ lớp sanh khởi của các Trí thế tục nơi địa phàm phu thuộc giai đoạn đầu.

Lại, tức dùng Trí thế tục thuộc về pháp Thế đệ nhất kia làm chỗ dựa, nên có thể nhập kiến đạo. Lúc lên kiến đạo, tức trước đã tu tập chủng tử hiện có của Trí thế tục thiện. Do sự huân tu kia đều được thanh tịnh, nên cũng gọi là tu. Đây tức gọi là các Trí thế tục của hiện quán biên về đế. Xuất sanh kiến đạo rồi, sanh khởi Trí này, chứng đắc giải thoát các pháp do kiến đạo đoạn trừ, tức xưa nay đối với các pháp đó chưa từng được giải thoát. Nhờ sự sanh ấy, nên các Thánh giả này ở trong chỗ đoạn trừ phiền não do kiến đạo đoạn, có thể phân biệt đúng đắn. Nghĩa là nơi Na-lạc-ca, ta đã vĩnh viễn dứt hết, cho đến không còn bị đọa nơi nẻo ác. Lại có thể nhận biết rõ: Ta nay đã chứng đắc quả Dự lưu. Lại có thể nhận biết rõ: Ta nay đã đoạn trừ các phiền não hiện có như thế, như thế. Lại, theo chỗ mong muốn, nên có thể vì kẻ khác được “Ký biệt”, sẽ tạo sự kiến lập. lại quán xét kỹ mà “Ký biệt. Lại có thể ở nơi hiện quán các Thánh đế, do huệ không điên đảo nên chánh thức kiến lập.

Lại, đối với pháp trên đây, theo chỗ ứng hợp với xứ chưa lìa dục. Do đạo thế gian lần lượt tu tập có thể lìa dục kia, cho đến có thể ở nơi xứ

Vô sở hữu lìa dục, tác chứng. Các Thánh giả này dùng Trí xuất thế gian hậu sở đắc các Trí thế tục, lúc lìa các dục, nên biết đồng với chỗ tạo tác lìa dục không phải là Thánh đạo kia, thì chỉ có thể tổn phục chủng tử của phiền não, không phải cho là vĩnh viễn đoạn trừ. Trí thế tục này là Trí xuất thế gian hậu sở đắc, nên nói Trí này cũng là thế gian cũng là xuất thế gian, không nên hoàn toàn gọi là thế gian.

Lại, tu tập Trí này lược có bốn đạo:

1. Đạo phương tiện.
2. Đạo vô gián.
3. Đạo giải thoát.
4. Đạo thắng tiến.

Nơi tất cả địa, tu đạo đoạn trừ chín phẩm phiền não bậc thượng, theo số phẩm, mỗi mỗi đều có sai biệt, có thể tùy thuận đoạn trừ. Đó gọi là đạo thứ nhất.

Có thể đoạn trừ không gián đoạn, là đạo thứ hai. Đoạn trừ liên tục rồi là đạo thứ ba. Tiếp sau nơi sự đoạn trừ ấy là đạo thứ tư. Đạo thắng tiến này lại có hai thứ:

1. Hoặc có vô gián là đoạn phẩm còn lại, tu đạo phương tiện. Ở đây, đối với phẩm trước gọi là đạo thắng tiến, đối với chỗ đoạn sau gọi là đạo phương tiện.

2. Hoặc có vô gián không tu phương tiện, chỉ đối với phẩm trước sanh tưởng như chân, không cầu tiến hơn, hoặc trụ nơi phóng dật, hoặc đối với chỗ đã đoạn, dùng Trí quan sát để lại quán xét. Hoặc có khi chỉ dùng “Tác ý tứ sát” mà xét tìm. Nên biết đạo này chỉ gọi là thắng tiến. Trừ định vị chí, tất cả cận phần còn lại trong địa chỉ có Tục trí, không có Trí xuất thế gian. Vì sao? Vì do địa vị chí là tâm định đầu tiên nơi Tĩnh lự thứ nhất. Tâm định hiện có trên đều trước có định, nên Thánh đệ tử từ đấy trở lên, chỉ dựa nơi căn bản, tu Trí xuất thế, không dựa nơi cận phần.

Các Trí hiện có trong hữu thứ nhất đều thuộc về Tục trí. Vì sao? Vì nơi xứ kia, tác ý cùng với tác ý của Thánh trí xuất thế gian không đồng phạm, chỉ tạo chỗ thâm nhận các định có tướng nơi tác ý xuất thế gian của hành Phi tướng phi phi tướng. Khởi đầu từ địa học cho đến nơi các Trí thế tục này, nên biết đều gọi là Tục trí của giai đoạn giữa.

Ở trong thân bậc A-la-hán, tất cả giải thoát vô lậu thanh tịnh hiện có, đối với hết thảy phiền não trói buộc, tất cả Tận trí, Vô sanh trí cùng các Trí thế tục thuộc về công đức của hết thảy thân thông còn lại, đều thuộc Trí thế tục của giai đoạn sau.

Lại nữa, Trí thế tục nơi ba giai đoạn đầu giữa sau của các Bồ tát: nghĩa là từ địa hành thắng giải cho đến tất cả Trí thế tục hiện có của địa đạt đến cứu cánh.

Giai đoạn đầu: Là địa hành thắng giải.

Giai đoạn giữa: Là từ địa ý lạc tăng thượng thanh tịnh, cho đến địa hành quyết định.

Giai đoạn sau: Là địa đạt đến cứu cánh.

Lại, các Bồ tát ở trong các địa khởi hai thứ hành:

1. Hành có tướng hý luận sai biệt.
2. Hành lìa tướng hý luận hiện hành.

Giống với xuất thế gian, khéo tu Trí ấy nên đạt được Trí thế tục hậu sở đắc gồm thâu Trí không chướng ngại.

Lại, các Bồ-tát có Nguyên trí cùng với Như-lai, giống như các Trí thế tục, hơn hẳn các Thanh văn, Độc giác đạt được tất cả Nguyên trí các thần thông, và Không trí v.v... nên biết cũng thế. Do các Bồ tát, với công đức hiện có đều dựa nơi chủng tánh của mười lực mà chuyển. Hàng Nhị thừa thì không như thế.

Lại nữa, như vậy là đã nói về các Trí thế tục của ba giai đoạn đầu giữa sau. Ba giai đoạn đầu giữa sau nơi các Trí xuất thế gian, phần tiếp theo sẽ nói. Nghĩa là Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo, hoặc Kiến đạo của phẩm Pháp trí đối trị các hoặc của cõi Dục do Kiến đạo đoạn trừ. Hoặc Kiến đạo của phẩm Loại trí, đối trị hoặc của cõi Sắc, Vô sắc, do Kiến đạo đoạn trừ.

Hỏi: Hết thấy loại trí lúc hiện tiền đều có thể phân biệt, nhận biết về cõi Sắc, Vô sắc không?

Đáp: Nếu có hành giả, từng đối với các pháp hiện có nơi hai cõi Sắc, Vô sắc, khéo lãnh hội, khéo tư duy, khéo giữ lấy tướng, thì có thể phân biệt, nhận biết. Nếu không như thế thì không thể.

Các Trí còn lại, hoặc ở nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na, hoặc tại phẩm Xa-ma-tha, thuộc về hai phẩm Pháp trí, Loại trí.

Lại, đối với Kiến đạo, lúc Trí thứ nhất sanh, các Trí khác nhân đây có thể sanh khởi chỗ thâu nhận của duyên, nên hết thấy Kiến đạo đều được tăng trưởng, tức nơi sát na này đều gọi là đắc. Ở đây, đắc rồi, vào lúc sau dần dần theo thứ lớp hiện tiền. Nên biết Kiến đạo này là đạo thắng tiến.

Ở trong Tu đạo, nếu có tu tập đạo xuất thế gian mà lìa dục, nên biết như trước đã nói về đạo phương tiện v.v..., đều là xuất thế. Nếu ở trong các Thánh đế như Khổ, có tướng hý luận mà hiện hành, là Trí thế

tục. Là tưởng hý luận mà hiện hành, là Trí xuất thế. Vì đối với các đế, do tưởng có tướng khéo giữ lấy tướng. Vì như lúc trước đã tu tập vô số Trí vi diệu đã thấy đã biết. Vì do các hành khéo chán lìa của thế gian khiến tâm chán lìa. Vì thọ dụng vô số pháp lạc thượng diệu, nên các Thánh giả này cũng tu đạo lìa dục của thế gian để lìa các dục.

Trong địa vô học, tức như đã nói về Trí xuất thế gian. Giải thoát do tu đạo đoạn trừ hoặc, nên hết sức thanh tịnh.

Lại, Trí xuất thế có thể làm nơi chốn nương dựa, nắm giữ tất cả công đức thế gian. Có thể khiến cho tất cả các công đức hiện có nơi địa trên, địa dưới đều tự tại chuyển. Như thế gọi là thứ lớp sanh khởi của Trí xuất thế gian nơi ba giai đoạn trước giữa sau.

Lại nữa, các Thần cảnh trí, hoặc do gia hạnh đắc, hoặc sanh đắc.

Gia hạnh đắc: Như phạm phu, hàng hữu học sinh nơi cõi này, cùng với quả tu tập hiện có của các Bồ-tát vô học.

Sanh đắc: Là sanh nơi cõi Sắc, do trước đã tu tập làm nhân duyên, nên về sau sanh trong cõi ấy, tức liền đạt được.

Lại có chư Thiên và loài người nơi cõi Dục, do một phần quả phước đã đem đến, như vua Mạn-đà-đa v.v...

Lại, nơi nẻo Bằng sanh, như các loài chim bay v.v..., thấu nhận chúng đồng phận như thế, nên như có được thần thông. Một lần cõi Quỷ cũng lại như vậy.

Lại có uy đức của chú thuật, cỏ thuốc cũng như thần thông. Như tạo huyễn hoặc sai khiến tử thi v.v... tức do đạo lý sai biệt như thế. Bốn thần thông còn lại, với những sai biệt hiện có, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, thế nào là pháp của đối tượng nhận thức? Nghĩa là, tất cả pháp đều là đối tượng nhận thức, các thức là chủ thể nhận thức. Do năm thứ tướng, nên các thức có sai biệt. Như chỗ ứng hợp đã kiến lập đối tượng nhận thức. Những gì là năm thứ tướng? Đó là:

1. Dựa nơi duyên sai biệt.
2. Vui buồn sai biệt.
3. Hơn kém sai biệt.
4. Tâm sở sai biệt.
5. Chương trị sanh sai biệt.

- Thế nào là dựa nơi duyên sai biệt? Nghĩa là do chỗ dựa, do đối tượng duyên sai biệt, nên kiến lập sáu thức như nhãn thức v.v... có sai biệt. Nhãn thức "Liễu biệt" về cảnh giới của các sắc. Các thức còn lại, mỗi mỗi thức đều liễu biệt về cảnh giới của chính mình. Ý thức liễu biệt

về tất cả nhãn sắc cho đến ý pháp dùng làm cảnh giới.

- Thế nào là vui buồn sai biệt? Nghĩa là thức tương ứng với khổ thọ gọi là buồn. Ở đây có thể liễu biệt thuận theo pháp ưu khổ, không vừa ý. Lạc thọ tương ứng với thức gọi là vui. Ở đây có thể liễu biệt thuận theo các pháp hỷ lạc vừa ý. Thọ không khổ không lạc tương ứng với thức, gọi là không vui, không buồn. Ở đây có thể liễu biệt thuận theo các pháp xả thọ không phải hai.

- Thế nào là hơn kém sai biệt? Nghĩa là pháp bất thiện cùng với pháp hữu phú vô ký tương ứng với thức gọi là kém. Ở đây có thể liễu biệt về các pháp nơi đối tượng hành của các thức nhiễm ô.

Pháp thiện tương ứng với thức gọi là hơn. Ở đây có thể liễu biệt về tất cả các pháp nơi đối tượng hành của các thức thiện.

Pháp vô ký tương ứng với thức gọi là không hơn không kém. Ở đây có thể liễu biệt về pháp nơi đối tượng hành của mình.

- Thế nào là tâm sở sai biệt? Nghĩa là có tâm sở dấy khởi khắp nơi các tâm. Lại có tâm sở dấy khởi khắp nơi tâm thiện. Các tâm sở còn lại, nên biết như trong phần pháp hữu lậu ở trước đã nói rõ về tướng của chúng.

Dấy khởi khắp nơi các tâm lại có năm thứ: Tác ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, như nơi phần địa ý ở trước đã nói về tướng của chúng.

Dấy khởi khắp nơi tâm thiện lại có mười thứ: Hổ, Thẹn, Không tham, Không sân, Không si, Tín, Tinh tấn, Không phóng dật, Bất hại, Xả.

Mười pháp như thế, hoặc nơi địa định hoặc nơi địa không định, tâm thiện đều có. Trong tâm của địa định lại tăng khinh an, không phóng dật v.v... chỉ là pháp giả. Các pháp này tương ứng với thức đều có thể nhận biết rõ về pháp của tất cả cảnh.

- Thế nào là chương trị sanh sai biệt? Nghĩa là chương đối tượng được đối trị có mười lăm tâm. Đó là: Hệ thuộc cõi Dục gồm có năm tâm: Kiến khổ, Kiến tập, Kiến diệt, Kiến đạo và Tu đạo đoạn. Như hệ thuộc cõi Dục gồm có năm tâm, hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc nên biết cũng thế. Chủ thể đối trị là tâm, tức tâm thứ mười sáu, nghĩa là các tâm học, vô học vô lậu. Như thế, thức của đối tượng và chủ thể đối trị theo chỗ ứng hợp đều có thể liễu biệt về pháp nơi đối tượng hành của mình.

Lại nữa, sanh có sai biệt lược có năm thứ:

1. Hành sanh cõi Dục.
2. Hành sanh cõi Sắc.
3. Hành sanh cõi Vô sắc.

4. Sanh đến địa trên.

5. Sanh trở lại địa dưới.

- Hành sanh cõi Dục: Là từ hệ thuộc nơi cõi Dục, tâm hoặc thiện hoặc nhiễm ô hoặc vô phú vô ký không gián đoạn, hiện hữu khắp tất cả tâm hệ thuộc cõi Dục sanh khởi. Đó gọi là thức của cõi Dục sanh khởi có sai biệt. Như hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, với ba tâm của tự địa không gián đoạn, đều sanh ba tâm của tự địa.

Nếu trước chưa khởi Tinh lự vô sắc, lúc đầu muốn sanh, cần từ tâm thiện của cõi Dục không gián đoạn, theo chỗ ưa thích các tâm của địa trên cùng tâm học, vô học nhằm khởi hiện tiền. Do trước đã khéo giữ lấy hành tướng kia, nên đối với các tâm ấy như ý có thể dấy khởi. Như vậy, các tâm của địa trên còn lại, đã khởi không gián đoạn, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại từ tâm vô ký của cõi Dục không gián đoạn, thì tâm thiện của cõi Sắc sanh. Như quả của cõi sắc, tâm biến hóa của cõi Dục, tức từ tâm thiện của cõi Sắc không gián đoạn. Ở đây, tâm vô ký của cõi Dục sanh.

Lại nói tâm này là cõi Dục: Nên biết là loại ảnh tượng kia, không phải là tự tánh.

Lại, ở cõi Dục mất đi, lúc sanh nơi địa trên, tâm thiện, tâm vô ký của cõi Dục không gián đoạn, thì tâm nhiễm ô của địa trên sanh. Nghĩa là sanh nơi Tinh lự thứ nhất cho đến cõi Hữu đẳng. Do biết sanh tương tục của tất cả xứ đều là tâm nhiễm ô mới được hoặc cũ. Như vậy nên biết, các thức sanh đến địa trên, quyết định nơi đối tượng hành của mình sanh khởi sai biệt.

Lại, các phàm phu lúc thối chuyển định vô sắc, Tinh lự thế gian đã đạt được từ trước, do tâm nhiễm ô hiện tiền nên thối chuyển. Tâm nhiễm ô của địa dưới ấy, từ tâm thiện, tâm nhiễm ô của địa trên không gián đoạn sanh.

Lại từ địa trên mất đi, lúc sanh nơi địa dưới, từ tất cả tâm thiện, tâm nhiễm ô, tâm vô ký của địa trên không gián đoạn, chỉ có tâm nhiễm ô của địa dưới sanh.

Như thế nên biết, các thức trở lại sanh nơi địa dưới, quyết định nơi đối tượng hành của mình sanh khởi có sai biệt. Như vậy, do chương trì sanh sai biệt, nên các thức quyết định đối với chốn hành của chính mình, liễu biệt về các pháp đã nhận thức có sai biệt.

